Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4011.80.19

Mã HS	4011.80.19
Mô tả hàng hóa	Lốp bằng cao su loại bơm hơi, chưa qua sử dụng / - Loại dùng cho xe và máy xây dựng, khai thác mỏ hoặc xếp dỡ công nghiệp: / - - Lắp vành có đường kính không quá 24 inch: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 21:39:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/40118019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6458
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6458
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6458
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, MY)	0% (trừ ID, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, MM)	0% (trừ LA, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	16	16%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	20	20%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6253
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6214
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6214
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6214
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6214
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6214
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6214
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	10	AJ!E6258
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	10	AJ!F6258

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	10	AJ!G6258
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	5	AJ!H6258
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	5	AJ!I6258
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	5	AJ!J6258
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	VJ!E6256
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F6256
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	1	VJ!G6256
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6256
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6256
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6256
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6264
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6220
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6216
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6216
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6216
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6216
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6216
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6216
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6240
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6240
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6240
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6240
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6240
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6240
VCFTA	2022	2022	20	VC!D6291
VCFTA	2023	2023	20	VC!E6291

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	16	VC!F6291
VCFTA	2025	2025	16	VC!G6291
VCFTA	2026	2026	16	VC!H6291
VCFTA	2027	2027	16	VC!I6291
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6273
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6273
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6273
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6273
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6273
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6273
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D6279
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E6279
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F6279
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G6279
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H6279
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6279
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D6264
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E6264
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F6264
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G6264
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H6264
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6264
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D6266
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E6266
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F6266
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G6266

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H6266
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6266
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6242
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6242
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6242
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6242
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6242
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6242
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6242
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D6269
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E6269
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F6269
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G6269
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H6269
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I6269
RCEP B	2022	2022	18	B!D6269
RCEP B	2023	2023	16	B!E6269
RCEP B	2024	2024	14	B!F6269
RCEP B	2025	2025	12	B!G6269
RCEP B	2026	2026	10	B!H6269
RCEP B	2027	2027	8	B!I6269
RCEP C	2022	2022	18	C!D6269
RCEP C	2023	2023	16	C!E6269
RCEP C	2024	2024	14	C!F6269
RCEP C	2025	2025	12	C!G6269
RCEP C	2026	2026	10	C!H6269

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I6269
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D6269
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E6269
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F6269
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G6269
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H6269
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I6269
RCEP E	2022	2022	18	E!D6272
RCEP E	2023	2023	16	E!E6272
RCEP E	2024	2024	14	E!F6272
RCEP E	2025	2025	12	E!G6272
RCEP E	2026	2026	10	E!H6272
RCEP E	2027	2027	8	E!I6272
RCEP F	2022	2022	18	F!D6269
RCEP F	2023	2023	16	F!E6269
RCEP F	2024	2024	14	F!F6269
RCEP F	2025	2025	12	F!G6269
RCEP F	2026	2026	10	F!H6269
RCEP F	2027	2027	8	F!I6269
VIFTA	2024	2024	20	VI!F5798
VIFTA	2025	2025	20	VI!G5798
VIFTA	2026	2026	20	VI!H5798
VIFTA	2027	2027	20	VI!I5798

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VIFTA 20%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (20%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 20%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4011.80 có 5 dòng thuế; dòng 4011.80.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	4011.80.11 Loại dùng cho xe kéo, máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30, xe nâng hàng, xe cút kít hoặc xe và máy xếp dỡ công nghiệp khác; 4011.80.31 Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30; 4011.80.39 Loại khác; 4011.80.40 Lắp vành có đường kính trên 24 inch, loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4011.80.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 4011.80.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6458), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.